TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST
Ngày 20-8-2021
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Lưu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thạch và ông Nguyễn Xuân Thí

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Như Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Loan – kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 56/2020/TLST-HNGĐ ngày 22/10/2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1094/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1373 ngày 22/7/2021/QĐST-HNGĐ giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Phan Văn Th, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Tiểu khu 1, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

- *Bị đơn*: Chị Lê Thị Thu L, sinh năm 1976.

Nơi ĐKHKTT trước khi xuất cảnh: Tiểu khu 1, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Hiện cư trú tại: 4731 Jane St TORONTO, ONTARIO, ON M3N 2K8, CANADA. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Phan Văn Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Phan Văn Th và chị Lê Thị Thu L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 11/8/1993 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh

phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau mức độ ngày càng trầm trọng. Năm 2016 chị L xuất cảnh sang Canada sinh sống, hai vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần được hai bên nội ngoại động viên, góp ý để cùng nhau xây dựng gia đình và nuôi dạy con cái tuy nhiên vẫn không khắc phục được. Tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt dần, không còn quan tâm đến nhau nữa. Hiện tại anh Th thấy tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, cuộc hôn nhân không có khả năng hàn gắn, không ai còn quan tâm đến cuộc sống chung nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn chị Lê Thị Thu L.

Về con chung: Vợ chồng có bốn con chung tên là Phan Đức Anh T, sinh ngày 11/12/1994; Phan Đức Anh T2, sinh ngày 08/7/1998; Phan Đức Anh Ph, sinh ngày 30/6/2007; Phan Nhật Mỹ A, sinh ngày 27/2/2014. Hiện đang sống cùng với chị L tại Canada. Hiện cháu Phan Đức Anh T và Phan Đức Anh T1 đều đã trên 18 tuổi đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án án xem xét giải quyết, còn cháu Phan Đức Anh Ph và Phan Nhật Mỹ A hiện đang còn nhỏ và sống cùng với mẹ tại Canada nên anh có thỏa thuận với chị L giao hai con Anh Ph và Mỹ A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh Th chưa phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Th trình bày vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị Thu L hiện đang làm việc và cư trú tại 4731 Jane St TORONTO, ONTARIO, ON M3N 2K8, CANADA. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành các phương thức tống đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật đối với bị đơn chị Lê Thị Thu L. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình có nhận được lời khai của chị Lê Thị Thu L gửi về đề ngày 22/6/2021, chị L trình bày đã biết việc anh Th xin ly hôn với chị và có ý kiến đồng ý ly hôn; Về con chung: chị có nguyện vọng được nuôi và chăm sóc hai cháu Phan Đức Anh Ph và Phan Nhật Mỹ A do hiện nay các con đang sống cùng với chị tại Canada và không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện tại do dịch Covid nên chị không thể về Việt Nam để tham gia phiên tòa đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Tại biên bản lấy lời khai bố của chị Lê Thị Thu L là ông Lê Tiến L. Ông L trình bày ông có biết việc Tòa án thụ lý giải quyết ly hôn giữa con gái ông là chị L với anh Th. Đầu năm 2016, chị L sang Canada sinh sống. Gia đình ông cũng thường xuyên có liên lạc điện thoại cho chị L. Ông cũng cho biết qua điện thoại chị L có báo nhận được các văn bản của Tòa án gửi cho chị. Tuy nhiên, do dịch bệnh Covid nên chị không thể về Việt Nam được, qua trao đổi ông cũng cho biết nguyện vọng của chị L cũng đồng ý ly hôn với anh Phan Văn Th. Về con chung, ông L cũng trình bày chị L và anh Th có có bốn con chung tên là Phan Đức Anh T, sinh ngày 11/12/1994; Phan Đức Anh T1, sinh ngày 08/7/1998; Phan Đức Anh Ph, sinh

ngày 30/6/2007; Phan Nhật Mỹ A, sinh ngày 27/2/2014, hiện các cháu đang sinh sống tại Canada cùng với mẹ, thông qua ông L, chị L cho biết mong muốn của chị là được nuôi hai con là Phan Đức Anh Ph và Phan Nhật Mỹ A và không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung thì hai vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay anh Th xin ly hôn chị L, gia đình ông không có ý kiến, tùy vào quyết định của hai con. Đề nghị Tòa án xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đảm bảo đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Anh Th xin ly hôn, chị L ở nước ngoài đã biết và có ý kiến gửi về cho Tòa án đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, xử cho anh Phan Văn Th ly hôn chị Lê Thị Thu L; Về con chung: đề nghị xử giao cháu Phan Đức Anh Ph, sinh ngày 30/6/2007; Phan Nhật Mỹ A, sinh ngày 27/2/2014 cho chị L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, anh Th không phải cấp dưỡng tiền nuôi con; Về tài sản chung: anh Th không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của nguyên đơn, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Công văn số 20101/QLXNC-P5, ngày 04/11/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì chị Lê Thị Thu L đã xuất cảnh ra nước ngoài lần gần đây nhất từ ngày 04/9/2016, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước; anh Phan Văn Th cung cấp địa chỉ của chị Lê Thị Thu L hiện đang cư trú tại 4731 Jane St TORONTO, ONTARIO, ON M3N 2K8, CANADA. Như vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo phương thức tống đạt đến cơ quan Đại sứ quán Việt Nam tại Canada để tống đạt, thu thập chứng cứ đối với chị Lê Thị Thu L và tống đạt theo địa chỉ của anh Th cung cấp tại 4731 Jane St TORONTO, ONTARIO, ON M3N 2K8, CANADA theo quy định tại khoản 1 Điều 474, Điều 475 Bộ luật tố tụng Dân sự nhưng không có kết quả. Vì vậy căn cứ vào khoản 3 Điều 474 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Canada tiến hành niêm yết công khai đơn khởi kiện của anh Phan Văn Th, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về việc cung cấp lời khai, lài

liệu, chứng cứ đối với chị L tại Đại sứ quan Việt Nam tại Canada và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan này.

Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình cũng đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh của chị Lê Thị Thu L tại Tiểu khu 1, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, Việt Nam và thông báo cho chị Lê Thị Thu L biết về thời gian, địa điểm giải quyết vụ việc ly hôn giữa anh Phan Văn Th và chị Lê Thị Thu L trên Hệ phát thanh đối ngoại quốc gia qua Đài tiếng nói Việt Nam 03 lần trong 03 ngày liên tiếp, nhưng vẫn không nhận được thông tin gì từ chị L. Ngày 04/6/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành xác minh đối với ông Lê Tiến L (bố đẻ của chị Lê Thị Thu L), ông cung cấp thông tin có biết việc anh Th làm đơn xin ly hôn với chị L, gia đình cũng đã thông báo cho chị L biết việc Tòa án đang thụ lý giải quyết. Ngày 22/6/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận được văn bản của chị L gửi về từ Canada trình bày ý kiến đã nhận được các văn bản của Tòa án gửi cho chị, chị cũng đồng ý việc ly hôn đối với anh Phan Văn Th và có nguyện vọng được nuôi hai con là cháu Ph và cháu A. Tuy nhiên do dịch bệnh Covid nên chị không thể về Việt Nam để tham dự phiên tòa xét xử sơ thẩm nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị. Như vậy, chị Lê Thị Thu L ở nước ngoài đã biết việc anh Phan Văn Th làm thủ tục xin ly hôn và cũng có bản tự khai gửi cho Tòa án nên căn cứ điểm a,b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Thị Thu L.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân*: Hội đồng xét xử xét thấy anh Phan Văn Th và chị Lê Thị Thu L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo như anh Th trình bày, quá trình chung sống với nhau thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng về sau hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn và không có sự đồng cảm cho nhau, hai bên bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra xung đột. Đặc biệt từ khi chị L sang Canada sinh sống thì hai người ít liên lạc và không hề quan tâm nhau, hai bên thường xuyên bất đồng quan điểm. Tại phiên tòa, anh Th khẳng định tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin được ly hôn chị L. Xét thấy, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh Phan Văn Th được ly hôn chị Lê Thị Thu L.

[4]. *Về quan hệ con chung:* Vợ chồng có bốn con chung tên là Phan Đức Anh T, sinh ngày 11/12/1994; Phan Đức Anh T1, sinh ngày 08/7/1998; Phan Đức Anh Ph, sinh ngày 30/6/2007; Phan Nhật Mỹ A, sinh ngày 27/2/2014. Hiện đang sống cùng với chị L tại Canada. Xét thấy cháu Phan Đức Anh T và Phan Đức Anh T1 đều đã trên 18 tuổi, đủ khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên Tòa án án không xem xét giải quyết; còn cháu tên Phan Đức Anh Ph và Phan Nhật Mỹ A hiện đang còn nhỏ và sống cùng với mẹ tại Canada, Hiện tại các cháu đều do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng và bảo đảm tốt mọi mặt. Vì vậy, để ổn định tâm lý cho các cháu và tạo điều kiện môi trường tốt cho các cháu phát triển, cũng như do khoảng

cách địa lý nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cháu Phan Đức Anh Ph và Phan Nhật Mỹ A cho chị Lê Thị Thu L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy việc đóng góp phí tổn nuôi con vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con cái; đây là việc làm cần thiết để bảo đảm quyền lợi của con. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị L. Tại biên bản lấy lời khai bố của chị Lê Thị Thu L ông Lê Tiến L ngày 04/6/2021 trình bày thông qua điện thoại chị L cho biết mong muốn của chị L là được nuôi hai con là Phan Đức Anh Ph và Phan Nhật Mỹ A và không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình cũng nhận được lời khai của chị Lê Thị Thu L gửi về từ Canada đề ngày 22/6/2021 trình bày chị có nguyện vọng được nuôi cháu Ph và cháu A và không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Vì vậy, anh Th không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4]. *Về quan hệ tài sản:* Anh Phan Văn Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí, lệ phí tống đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài:* Anh Phan Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí tống đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài theo quy định của khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 và Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2017, anh Th không phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

[6]. *Về quyền kháng cáo*: anh Phan Văn Th và chị Lê Thị Thu L có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153; các Điều 469, 474, 475; điểm a,b khoản 5 Điều 477; Điều 479 của BLTTDS; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; áp dụng Điều 19, Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84, 121, 123 và 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho anh Phan Văn Th được ly hôn với chị Lê Thị Thu L.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cháu Phan Đức Anh Ph và Phan Nhật Mỹ A cho chị Lê Thị Thu L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Phan Văn Th không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. *Về chia tài sản chung, nợ chung*: Không ai có yêu cầu nên không xem xét.

4. *Về án phí, lệ phí:* Anh Phan Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí, lệ phí tống đạt văn bản tố tụng mà anh Th đã nộp tại biên lai số AA/2020/0001692 ngày 15/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

5. Án sơ thẩm xử công khai, anh Phan Văn Th có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Lê Thị Thu L vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án sơ thẩm được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Bá Lưu